TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 322/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Khánh Hưng

Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1147/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 1030/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T; địa chỉ trụ sở: Số 266 - 268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số 278 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 (văn bản ủy quyền số 5814/2024/UQ-TGĐ ngày 20/8/2024) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Đông N, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 98/19/1K đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 03/10/2017 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Đông N có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao

gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo đó Ngân hàng đồng ý cấp cho bà Nthẻ tín dụng số 3954104653, hạn mức tín dụng 36.000.000 đồng, sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 01/5/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/8/2025 bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 104.036.250 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 34.080.234 đồng, nợ lãi quá hạn 69.956.016 đồng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà Nguyễn Đông N thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 27/8/2025 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Đông N cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định tính đến ngày 26/8/2025 bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 34.080.234 đồng, mặc dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên ngày 01/5/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bị đơn sang nợ quá hạn, tính lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/8/2025 là có cơ sở; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 26/8/2025 là 69.956.016 đồng theo tóm tắt sao kê của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký giữa các bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng nêu trên có hiệu lực. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/8/2025 là 104.036.250 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 5.201.813 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Đông N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tổng số tiền 104.036.250 đồng ngay khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; trong đó bao gồm nợ gốc 34.080.234 đồng, nợ lãi quá hạn 69.956.016 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Đông N phải chịu án phí là 5.201.813 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 2.181.126 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T theo biên lai thu số 0014820 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 03/10/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV7-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên